

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 165/2018/HSST.

Ngày: 26/7/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Việt Huân và ông Bàn Văn Chanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Bình Phương, thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sa Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 166/2018/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Ngọc C**, sinh ngày 22/12/1983, tại huyện M, tỉnh Sơn La;

Nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính Nam; quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Ngọc N (Đã chết), con bà Nguyễn Thị Đ. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án;

Nhân thân: Ngày 07/5/2001 bị TAND tỉnh Sơn La xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Đã được xóa án tích).

Ngày 26/6/2002 bị TAND huyện M, tỉnh Sơn la xử phạt 18 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt của bản án số 53 ngày 07/5/2001 bị cáo phải chịu 49 tháng 28 ngày tù (Đã được xóa án tích).

Ngày 29/9/2006 bị TAND huyện M xử phạt 54 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (Đã được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 26/8/2014 bị TAND huyện M, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giam, giữ từ ngày 07/5/2018 đến nay; Có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Anh Lưu Đình V, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La – Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Đặng Trung Đ, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Bản S, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh 1957.

Nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Phạm Ngọc C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14^h ngày 24/4/2018, Phạm Ngọc C đi xe máy đi qua tiểu khu X, thị trấn N thì vào cửa hàng sản xuất nhôm kính của anh Lưu Đình V mục đích là mua thanh sắt về chống giàn hoa, khi vào trong cửa hàng C không thấy có ai nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong cửa hàng, quan sát C thấy có 01 chiếc máy cắt nhôm nhãn hiệu Makita vỏ màu xanh và 01 chiếc máy hàn sắt nhãn hiệu PECAHTA công suất 250A màu đỏ, C đã lấy trộm máy cắt và máy hàn rồi chở đến nhà Đặng Trung Đ mục đích để gạ bán cho Đ, đến nhà Đ gặp Đ, C có nói với Đ “ Em có mua máy cắt nhôm, máy hàn sắt không” Đ hỏi lại máy như thế nào, ở đâu ra?. C nói là máy vừa đi bắt nợ ở xã Q về, Đ xem qua hai máy rồi bảo với C máy này chỉ mua được với giá 3.000.000đ, nhưng hiện tại Đ chưa có tiền và hẹn C tối sẽ trả tiền. C đồng ý bán. Số tiền mua máy Đ đã trả được cho C 2.000.000đ, còn nợ lại 1.000.000đ, số tiền bán máy cho Đ được 2.000.000đ, C đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu đã thu giữ 01 chiếc máy cắt nhôm, 01 chiếc máy hàn sắt mà Đ đã mua của C do Đ giao nộp. Thu giữ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 26G1 – 199.69.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi Phạm Ngọc C thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Quá trình xác định hiện trường không phát hiện và thu giữ gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Mộc Châu đã Quyết định yêu cầu định giá tài sản đối với 01 chiếc máy hàn và một chiếc máy cắt nhôm.

Tại kết luận định giá ngày số 205 ngày 07/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mộc Châu đã xác định giá trị chiếc máy hàn sắt nhãn hiệu PECAHTA công suất 250A màu đỏ đã qua sử dụng còn lại là 1.000.000đ. 01 chiếc máy cắt nhôm nhãn hiệu Makita, mã số máy LS1030N, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng còn lại là 3.000.000đ.

Ngày 15/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Mộc Châu đã giao trả chiếc máy hàn sắt và chiếc máy cắt nhôm cho anh Lưu Đình V quản lý, sử dụng. Anh Lưu Đình V không có yêu cầu gì khác.

Đối với Đặng Trung Đ, quá trình điều tra xác định việc anh Đ mua tài sản do C trộm cắp, anh Đ hoàn toàn không biết nên không đề cập việc xử lý, đồng thời anh Đ yêu cầu Phạm Ngọc C phải trả cho anh số tiền là 2.380.000đ trong đó 2.000.000đ là tiền mua máy hàn và máy cắt, 380.000đ là tiền sửa máy hàn và máy cắt, khoản tiền này bà Nguyễn Thị Đ2 (mẹ Phạm Ngọc C) đã trả đủ cho anh Đặng Trung Đ.

Bản cáo trạng số 121/CT-VKSMC ngày 13/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố bị cáo với nội dung: Truy tố ra trước Toà án nhân

dân huyện Mộc Châu để xét xử đối với bị can Phạm Ngọc C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc C phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo như sau:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 590 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Đ2 mẹ bị cáo đã trả cho anh Đặng Trung Đ số tiền 2.380.000đ.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã làm thủ tục giao trả cho anh Lưu Đình V 01 chiếc máy hàn sắt và 01 chiếc máy cắt nhôm để quản lý, sử dụng.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả cho chị Đặng Thị H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 26G1 – 199.69 quản lý, sử dụng.

4. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Ngày 24/4/2018, Phạm Ngọc C đã có hành vi lén lút bí mật trộm cắp một chiếc máy hàn sắt nhãn hiệu PECAHTA công suất 250A màu đỏ trị giá 1.000.000đ, 01 chiếc máy cắt nhôm nhãn hiệu Makita, mã số máy LS1030N, vỏ

màu xanh trị giá 3.000.000đ của anh Lưu Đình V mục đích bán lấy tiền chi tiêu sử dụng cá nhân.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với đơn đề nghị của bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần quyết định hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng bị cáo có nhân thân rất xấu, bị cáo đã 4 lần bị Tòa án xử phạt trong đó có 03 lần về tội Trộm cắp tài sản và một lần về tội Mua bán trái phép chất ma túy, trong bốn tiền án thì có 3 tiền án đã được xóa án tích, còn một tiền án bị xử ngày 26/8/2014 chưa được xóa án tích, như vậy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra và hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng bị cáo không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do anh Lưu Đình V không yêu cầu nên không đề cập việc giải quyết.

Chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Đ2 mẹ bị cáo đã trả cho anh Đặng Trung Đ số tiền 2.380.000đ. Tại phiên Tòa bà Đ2 không có yêu cầu gì với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc máy hàn sắt và chiếc máy cắt nhôm là tài sản hợp pháp của anh Lưu Đình V, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã làm thủ tục giao trả cho anh Lưu Đình V quản lý sử dụng là đúng pháp luật.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 26G1 – 199.69 bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội thu giữ trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định chiếc xe máy đó là của chị Đặng Thu H cho Phạm Ngọc C mượn vào ngày 24/4/2018, chị H không biết Phạm Ngọc C đã làm dùng phương tiện phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an

huyện Mộc Châu đã giao trả cho chị Đặng Thị H quản lý sử dụng, do đó không đề cập đến việc xử lý.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy Định của pháp luật.

Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm ngọc C** phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 590 Bộ luật dân sự

Chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Đ2 mẹ bị cáo đã trả cho anh Đặng Trung Đ số tiền 2.380.000đ (Hai triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng).

3. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã làm thủ tục giao trả cho anh Lưu Đình V 01 chiếc máy hàn sắt và 01 chiếc máy cắt nhôm để quản lý, sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy Định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS Mộc Châu;
- Trại giam;
- THA H/S;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đỗ Như Khánh